TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26**/2024/HS-ST
Ngày: 17/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Ngọc An**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phạm Tiến Hào;**
2. Bà **Đặng Thị Huệ.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị H Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị H Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/TLST-HS, ngày 02 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Tiêu Văn D**, sinh năm 1983 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Tiêu Văn V, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị C, sinh năm 1955; có vợ: Trần Thị K, sinh năm: 1987 con có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1968 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Lê Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1942; có vợ: Quân Thị Thuỳ T, sinh năm 1990 và 01 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 20/12/1017 bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ và tên: **Nguyễn Quang T**, sinh năm 1974 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn 13, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Xuân C, sinh năm 1942 và bà Đinh Thị H, sinh năm 1947; có vợ: Trần Thị K, sinh năm 1980, con có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 06/11/2018, bị Công an huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên: **Bùi Văn H**, sinh năm 1976 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Bùi Văn K, sinh năm 1942 và bà Vũ Thị B (đã chết); có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1978 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/11/2020 bị Công an xã M, huyện Y xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ và tên: **Tiêu Văn H**, sinh năm 1991 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn T, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Tiêu Văn V, sinh năm 1954 và bà Vũ Thị C, sinh năm 1955; vợ, con: chưa có; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

6. Họ và tên: **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1987 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; con ông: Nguyễn Xuân B, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; có vợ: Thiều Thị H, sinh năm 1994 và 02 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị

áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

7. Họ và tên: **Âu Văn C**, sinh năm 1985 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn G, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Cao Lan; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Âu Văn S (đã chết) và bà Tiêu Thị B, sinh năm 1943; có vợ: Trần Thị N, sinh năm 1990 (đã ly hôn) và 02 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/7/2013 bị Toà án nhân dân tối cao xử phạt 09 năm tù về tội Giết người (Bản án số 455/2013/HSPT). Chung chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 27/4/2020.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

8. Họ và tên: **Trương Thị H**, sinh năm 1978 tại tỉnh Tuyên Quang;

Nơi cư trú: thôn 13, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Mường; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông: Trương Mai T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; có chồng: Nguyễn Quang P, sinh năm 1976 và 03 con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 05/02/2024, Nguyễn Quang T trú tại thôn 13; Lê Văn T trú tại thôn Đ; Tiêu Văn D, Tiêu Văn H trú tại thôn T đến nhà vợ chồng Nguyễn Quang Phi, Trương Thị H ở thôn 13, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang chơi. Đến khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, H, Phi đi ngủ, các đối tượng rủ nhau đánh bạc. Tiến lấy bộ tú lơ khơ có sẵn trên nóc tủ tivi xuống sau đó cùng các đối tượng đánh bạc bằng hình thức đánh liêng, tỷ lệ đặt cược thấp nhất là 50.000 đồng, không giới hạn mức cược cao nhất. Khoảng 20 phút sau, Âu Văn C trú tại thôn Giếng Đõ, Nguyễn Văn V, Bùi Văn H trú tại thôn Đ, xã M đến tham gia đánh bạc. Khoảng 23 giờ cùng ngày, H từ phòng ngủ đi ra, thấy các đối tượng đang ngồi đánh bạc, do là bạn của chồng nên H đồng ý cho các đối tượng tiếp tục ngồi đánh bạc tại phòng khách nhà H. Sau đó, Tiến thu của mỗi người 50.000 đồng (tổng cộng được 350.000 đồng), đưa cho H nói là gửi tiền điện, H cầm tiền vào phòng đi ngủ. Khoảng 01 giờ ngày 06/02/2024, nhận được tin báo, tổ công tác Công an huyện Y phối hợp cùng công an xã M

đến kiểm tra, xác minh thì các đối tượng đã nghỉ, đang ngồi uống nước tại bàn uống nước trong phòng khách nhà H.

Ngày 06/02/2024, Nguyễn Quang T, Lê Văn T, Tiêu Văn H, Tiêu Văn D, Âu Văn C, Nguyễn Văn V, Bùi Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y đầu thú, khai nhận hành vi đánh bạc và tự nguyện giao nộp số tiền sử dụng để đánh bạc (Thắng nộp 2.310.000 đồng, Tiến nộp 2.700.000 đồng, Vũ nộp 30.000 đồng, Hiển nộp 1.500.000 đồng, Dương nộp 6.750.000 đồng).

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau:

1. Tiêu Văn D sử dụng 5.500.000 đồng vào mục đích đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng 2.250.000 đồng, cho Tiêu Văn H vay 1.000.000 đồng, còn lại 6.750.000 đồng Dương đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

2. Lê Văn T sử dụng 2.300.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đánh nhiều ván, xác định thắng 400.000 đồng. Tổng số tiền 2.700.000 đồng Tiến đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

3. Nguyễn Quang T sử dụng 1.810.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đánh nhiều ván, xác định thắng 500.000 đồng. Tổng số tiền 2.310.000 đồng Thắng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

4. Bùi Văn H sử dụng 1.800.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đánh nhiều ván, xác định thua 300.000 đồng, còn lại 1.500.000 đồng Hiển đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

5. Tiêu Văn H sử dụng 1.400.000 đồng (trong đó vay Dương 1.000.000 đồng) vào mục đích đánh bạc, đánh nhiều ván, thua hết số tiền trên.

6. Nguyễn Văn V sử dụng 530.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đánh nhiều ván, xác định thua 500.000 đồng, còn lại 30.000 đồng Vũ đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

7. Âu Văn C sử dụng 450.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đánh nhiều ván, thua hết số tiền trên.

8. Trương Thị H sử dụng nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình giúp sức cho các đối tượng đánh bạc, H không tham gia đánh bạc, được các đối tượng góp tiền đưa cho 350.000 đồng, số tiền này H đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.790.000 đồng *(Mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng)*.

Cáo trạng số 28/CT-VKSYS, ngày 29/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo Tiêu Văn D, Lê Văn T, Nguyễn Quang T, Bùi Văn H, Tiêu Văn H, Nguyễn Văn V, Âu Văn C, Trương Thị H về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Tiêu Văn D, Lê Văn T, Nguyễn Quang T, Bùi Văn H, Tiêu Văn H, Nguyễn Văn V, Âu Văn C, Trương Thị H phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Tiêu Văn D từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm.

+ Bị cáo Nguyễn Quang T, Bùi Văn H từ 09 (chín) tháng đến 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

+ Bị cáo Tiêu Văn H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Lê Văn T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn V từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s, khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị H từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Âu Văn C từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ thời gian tạm giữ đối với bị cáo Nguyễn Văn V và Âu Văn C là 03 ngày, quy đổi 01 ngày tạm giữ = 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao các bị cáo cho UBND xã nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, bài cũ, đã qua sử dụng, đã được niêm phong theo quy định; 01 (một) chiếc chiếu nhựa, màu vàng đỏ, kích thước (1,8x2) mét, chiếu cũ, đã qua sử dụng, đã được niêm phong theo quy định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.640.000 đồng *(Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).*

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ngày 16/5/2024 và theo uỷ nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 7, lập ngày 16/5/2024 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang với đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí của Toà án các bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Nói lời sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử cho được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của các bị cáo:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 22 giờ 30 phút ngày 05/02/2024 đến 01 giờ 00 phút ngày 06/02/2024, Trương Thị H nhận 350.000 đồng của các đối tượng đánh bạc, sử dụng nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình tại thôn 13, xã M, huyện Y giúp sức cho Tiêu Văn D, Lê Văn T, Nguyễn Quang T, Bùi Văn H, Tiêu Văn H, Nguyễn Văn V, Âu Văn C đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh liêng được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị can sử dụng vào mục đích đánh bạc là 13.790.000 đồng *(Mười ba triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng)* trong đó: Tiêu Văn D sử dụng 5.500.000 đồng, giúp sức cho Tiêu Văn H vay 1.000.000 đồng để đánh bạc; Lê Văn T sử dụng 2.300.000 đồng; Nguyễn Quang T sử dụng 1.810.000 đồng; Bùi Văn H sử dụng 1.800.000 đồng; Tiêu Văn H sử dụng

1.400.000 đồng; Nguyễn Văn V sử dụng 530.000 đồng; Âu Văn C sử dụng 450.000 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội bị pháp luật nghiêm cấm, cần phải bài trừ, là một trong những nguyên nhân dẫn đến các loại tội phạm khác và làm suy giảm kinh tế gia đình, bị dư luận quần chúng nhân dân lên án. Do vậy, cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng với từng hành vi của mỗi bị cáo.

[2]. Về vai trò phạm tội của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, để cá thể hóa về hình phạt cần xác định vai trò, mức độ thực hiện tội phạm của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt cho phù hợp Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Bị cáo Tiêu Văn D sử dụng số tiền nhiều nhất trong vụ án để đánh bạc (5.500.000 đồng). Bị cáo Lê Văn T là người sử dụng số tiền lớn thứ hai vào mục đích đánh bạc là 2.700.000 đồng. Hai bị cáo này được đánh giá có vai trò lớn hơn các bị cáo trong vụ án nên cần xử mức án cao hơn. Tiếp đến là các bị cáo: Nguyễn Quang T sử dụng 1.810.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Bùi Văn H sử dụng 1.800.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Tiêu Văn H sử dụng 1.400.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn V sử dụng 530.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Âu Văn C sử dụng số tiền thấp nhất 450.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Bị cáo Trương Thị H sử dụng nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình giúp sức cho các đối tượng đánh bạc, H không tham gia đánh bạc, được các đối tượng góp tiền đưa cho 350.000 đồng. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức với các bị cáo khác.

Hội đồng xét xử cần xem xét xử các bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo cho phù hợp.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Nguyễn Quang T, Lê Văn T, Tiêu Văn H, Tiêu Văn D, Nguyễn Văn V, Bùi Văn H, Trương Thị H phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Quang T, Lê Văn T, Tiêu Văn H, Tiêu Văn D, Nguyễn Văn V, Bùi Văn H, Âu Văn C ra đầu thú nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Lê Văn T có bố đẻ là liệt sỹ là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Quang T có bố đẻ được tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì là tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử xem xét áp dụng để quyết định hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo cho phù hợp.

[4]. Về mức hình phạt chính, bổ sung Hội đồng xét xử xét thấy:

- Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, căn cứ vào quy định tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo thì đều đủ điều kiện để Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

- Đối với bị cáo Nguyễn Văn V, Âu Văn C đánh bạc với số tiền thấp nhất, bị cáo H đồng phạm giản đơn có vai trò thấp nhất trong vụ án nên Hội đồng xét xử cần xử cho các bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ. Nhưng do các bị cáo Vũ, Chung đã bị bắt tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến ngày 08/02/2024 là 03 ngày. Các bị cáo được hưởng mức án cải tạo không giam giữ cần quy đổi 01 ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ, 03 ngày bị bắt tạm giữ = 09 ngày cải tạo không giam giữ, để khấu trừ vào thời gian cải tạo không giam giữ cho bị cáo là phù hợp.

Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định nên cần miễn khấu trừ thu nhập của bị cáo là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bị cáo trong vụ án đều không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Cơ quan điều tra thu giữ 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, 01 (một) chiếc chiếu nhựa là vật chứng các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

- Đối với số tiền 13.640.000 đồng *(Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng)* quan điều tra thu giữ, hiện đã nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Y. Đây là số tiền các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Đối với Nguyễn Quang Phi là chồng Trương Thị H do không biết việc các bị cáo đánh bạc tại nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình nên không xem xét xử lý.

[9]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Tiêu Văn D, Lê Văn T, Nguyễn Quang T, Bùi Văn H, Tiêu Văn H, Nguyễn Văn V, Âu Văn C, Trương Thị H phạm tội Đánh bạc.

1. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Tiêu Văn D 01 (năm) 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/5/2024.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Quang T 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/5/2024.

Xử phạt: bị cáo Bùi Văn H 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/5/2024.

Xử phạt: bị cáo Tiêu Văn H 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 04 (bốn) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/5/2024.

2. Căn cứ: khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS.

Xử phạt: bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 01 (một) tháng tù cho hưởng án treo đến thời gian thử thách 02 (hai) năm 02 (hai) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/5/2024.

Giao các bị cáo Tiêu Văn D, Nguyễn Quang T, Bùi Văn H, Tiêu Văn H, Lê Văn T cho UBND xã M giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo.

Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn V 10 (mười) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ (từ 06/02/2024 đến 08/02/2024) được quy đổi là 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Âu Văn C 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thời gian bị bắt tạm giữ (từ 06/02/2024 đến 08/02/2024) được quy đổi là 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành tiếp là 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày cải tạo không giam giữ.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt: bị cáo Trương Thị H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Văn V, Âu Văn C, Trương Thị H tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

6. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bộ tú lơ khơ 52 quân, bài cũ, đã qua sử dụng, đã được niêm phong theo quy định; 01 (một) chiếc chiếu nhựa, màu vàng đỏ, kích thước (1,8x2) mét, chiếu cũ, đã qua sử dụng, đã được niêm phong theo quy định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 13.640.000 đồng *(Mười ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).*

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ngày 16/5/2024 và theo uỷ nhiệm chi, chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 7, lập ngày 16/5/2024 giữa đơn vị trả tiền Công an huyện Y, tỉnh Tuyên Quang với đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

7. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Các bị cáo;
- CQCSĐT Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Sở Tư pháp Tuyên Quang;
- UBND xã M, huyện Y;
- Hồ sơ vụ án hình sự;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Ngọc An

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Vinh – Hoàng Trung Hiếu **Nguyễn Xuân Thủy**